

Bản án số: 87/2023/KDTM -PT

Ngày: 12/05/2023

V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 9 và 12/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 212/2022/TLPT-KDTM ngày 9 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: phố P, phường P, quận H, TP. Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H và ông Vũ Cao T. Ông H có mặt.

Bị đơn: Ông Lưu Quang V, sinh năm 1964 - (Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01E8013769 do Phòng Kinh tế quận Đ cấp. Đăng ký lần đầu ngày 24/10/2011); có mặt.

Địa chỉ: phố B, phường P, quận H, Hà Nội (cũ là phường P, quận H, thành phố Hà Nội).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn C – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư CP, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Phương L; vắng mặt.

Địa chỉ: đường Đ, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Chị Lưu Thu P – sinh năm 1988 (con gái ông V), vắng mặt

3. Anh Lưu Quang T - sinh năm 1990 (con trai ông V), vắng mặt

4. Cháu Nguyễn Viết Minh Đ, sinh năm 2006 (con chị P), vắng mặt

5. Cháu Nguyễn Minh N, sinh năm 2012 (con chị P), vắng mặt

6. Cháu Nguyễn Minh V, sinh năm 2021 (con chị P), vắng mặt

(Cháu Đ, N, V do mẹ đẻ là chị Lưu Thu P làm đại diện).

Cùng ở địa chỉ: phố B, phường P, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Lưu Quang V là đại diện hộ kinh doanh có vay vốn tại Ngân hàng B theo **Hợp đồng tín dụng số: 100/2013/HĐTD2/B017** ký ngày 07/05/2013. Theo Hợp đồng này, Ngân hàng B đồng ý cho ông V vay với số tiền là: **499,000,000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng)**; Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay (tại thời điểm giải ngân): Lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm. Điều chỉnh 06 tháng/lần, xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng B công bố cộng dồn biên độ tối thiểu 5,5%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng B đã giải ngân cho ông V tổng số tiền **499,000,000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng)**, chi tiết tại **Khế ước nhận nợ số: 100/2013/HDDTD2/B2017 ngày 07/05/2013.**

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích: 30,4m²) tại địa chỉ số: phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số: BM 849300, số vào sổ cấp GCN: CH00008 do UBND quận H cấp ngày 07/02/2013 cho ông Lưu Quang V. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 000309/2013; Quyển số: 01 TP/CC-SCC HĐGD ngày 06/05/2013 ký giữa Ngân hàng B – Chi nhánh Sở Giao dịch với ông Lưu Quang V lập tại Văn phòng công chứng Phước Đức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lưu Quang V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B. Ông Lưu Quang V mới trả được: **76,185,869 đồng**, bao gồm: nợ gốc: 0 đồng, lãi trong hạn: 68,185,838 đồng, lãi quá hạn: 8,000,031 đồng. Theo quy định, khi khách hàng nộp tiền vào tài khoản của khách hàng, ngân hàng sẽ tự động thu nợ theo các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng. Ngày bắt đầu quá hạn của khoản vay là: 07/05/2014.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết:

1. Buộc ông V thanh toán ngay cho Ngân hàng B tổng số tiền tạm tính đến ngày **11/8/2022** theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Nợ gốc: 499.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.198.429 đồng, lãi quá hạn 895. 589.169 đồng. Tổng cộng: 1.400.787.598 đồng.

Ngoài số tiền nêu trên, ông V còn phải thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 12/8/2022 đến ngày ông V thanh toán hết nghĩa vụ cho Ngân hàng B.

2. Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông V không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng B, Ngân hàng B có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ. Chi tiết tài sản thế chấp như sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích: 30,4m²) tại địa chỉ số: phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số: BM 849300, sổ vào sổ cấp GCN: CH00008 do UBND quận H cấp ngày 07/02/2013 cho ông Lưu Quang V. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 000309/2013; Quyền số: 01 TP/CC-SCC HĐGD ngày 06/05/2013 ký giữa Ngân hàng B– Chi nhánh Sở Giao dịch với ông Lưu Quang V lập tại Văn phòng công chứng Phước Đức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lưu Quang V đối với Ngân hàng B. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng B.

Bị đơn là ông Lưu Quang V- Đại diện hộ kinh doanh trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: “Do quen biết bạn tôi có cho chị Nguyễn Thị Phương L mượn 01 quyển sổ đỏ quyền sử dụng đất mang tên Lưu Quang V. Năm 2013, tôi có ký để chị L vay tiền. Thời điểm tôi ký tôi đang trông người nhà trong bệnh viện nên tôi không nhớ là đã ký những gì. Khi vay được tiền, bản thân tôi cũng không trả lãi hàng tháng mà chị L trả. Đến tháng 4/2014 chị B là trưởng phòng kinh doanh có gọi tôi lên để đóng tiền lúc đó tôi mới biết là chị L đã lấy 500 triệu. Do bản thân tôi không hiểu biết nên đã ký vào để chị L lấy số tiền như trên là bất lợi cho bản thân tôi. Tôi đã làm đơn xin xác nhận của ủy ban phường nơi tôi đang ở về hoàn cảnh của tôi để ngân hàng xem xét hoàn cảnh để được trả nợ dần. Chị B là trưởng phòng kinh doanh nói với tôi là cứ đóng vào để trừ vào gốc còn lãi thì xin. Tôi tin chị ấy, tôi đã bảo chị L hàng tháng đóng nhưng đến ngày 14/6 tôi có giấy gọi của Tòa về việc tôi vay số tiền 500 triệu mà bản thân tôi tin bạn mà phải chịu những bất lợi mà tôi không được cầm tiền với số tiền mà tôi đã ký đã vay.. (BL 92); bản thân tôi không kinh doanh gì, hồ sơ vay thì chị L làm thế nào thì tôi không rõ vì thời điểm đó tôi trông vợ ở tôi ở viện và cũng chẳng có ai đến nhà tôi hỏi gì tiền lãi hàng tháng chị L trả ngân hàng. Bản thân tôi cũng không trả nên không biết. Đến khi chị L không trả thì chi nhánh ngân hàng mới báo tôi biết sự việc chị L chậm trả lãi. Thời điểm đó vợ tôi chết, hoàn cảnh rất khó khăn, tôi không biết giải quyết thế nào, tôi đã gặp chị L để cùng chị giải quyết và xin trả dần hàng tháng vào tiền gốc....., hồ sơ vay vốn và giấy phép kinh

doanh như hiện có ở hồ sơ. Toàn bộ hồ sơ vay vốn ngân hàng tôi không biết và không tham gia giấy phép kinh doanh để vay, tôi không kinh doanh nên không biết (BL 147)''.

Ông Lưu Quang V có đơn đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức (cụ thể là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) để thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng B (BL 338, 365).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị Phương L trình bày: Bà và ông Lưu Quang V có mối quan hệ quen biết, thân tình từ lâu. Năm 2006. Do cần vốn kinh doanh nên bà đã nói chuyện với ông Lưu Quang V, và ông Lưu Quang V bảo nếu bà cần thì ông Lưu Quang V sẽ cho mượn giấy tờ sở hữu ngôi nhà số phố B, phường P, Hà Nội để bà đi vay vốn ngân hàng. Bà đã nhiều lần mượn tài sản là ngôi nhà của ông Lưu Quang V để vay vốn tại các ngân hàng nhưng đều đã tất toán. Đến tháng 5/2013, do cần vốn kinh doanh nên bà nhờ ông Lưu Quang V thế chấp tài sản bảo lãnh vay giúp bà một khoản tiền là 499 triệu đồng tại Ngân hàng B- phòng giao dịch ĐT. Ông Lưu Quang V đã hoàn toàn làm theo hướng dẫn của bà để hoàn thiện hồ sơ vay vốn theo đúng quy định thủ tục vay vốn cá nhân của ngân hàng. Bản thân ông Lưu Quang V không sử dụng bất cứ một đồng nào trong khoản tiền vay này. Sau khi ngân hàng giải ngân phát hành khoản vay cho ông Lưu Quang V, ngay sau đó ông Lưu Quang V đã chuyển khoản số tiền đó vào tài khoản cá nhân của bà tại ngân hàng B - phòng giao dịch ĐT. Bà là người sử dụng khoản vay nên hàng tháng bà đều đóng tiền lãi cho ngân hàng thông qua tài khoản cá nhân của ông Lưu Quang V. Bà là người phải có trách nhiệm tất toán khoản vay trên, do ông Lưu Quang V rất tin tưởng bà nên mới ký vay giúp bà. Bà xin Ngân hàng B miễn giảm toàn bộ tiền lãi, một phần tiền gốc để bà thu xếp trả ngân hàng, để bà hoàn trả lại tài sản cho gia đình ông Lưu Quang V (BL 81, 82)

Chị Lưu Thu P, anh Lưu Quang T trình bày: Nhà đất tại địa chỉ số phố B, phường P, quận H, Hà Nội là tài sản hợp pháp của gia đình anh, chị đã được UBND quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh, chị ngày 09/9/2005. Nguồn gốc tài sản là do ông bà nội để lại cho bố con anh, chị. Trong đó, anh chị đã bỏ tiền và công sức sửa chữa lại nhà và hiện nay gia đình anh, chị vẫn đang quản lý, sử dụng. Anh chị khẳng định ông Lưu Quang V chưa bao giờ thực hiện thủ tục vay vốn, thế chấp tài sản của gia đình tại Ngân hàng B, ông Lưu Quang V chưa bao giờ kinh doanh tại địa chỉ 54- 56 đường Đ, phường Q, quận Đ, Hà Nội. Anh chị đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để làm rõ hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản và hành vi làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức để thực hiện thủ tục vay vốn nhằm đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh, chị (BL 353, 355).

Anh T, chị P cho rằng năm 2013, UBND quận H đã thực hiện thủ tục cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BM 849300 vào ngày 07/02/2013 và đã thu hồi Giấy chứng nhận cấp năm 2005. Anh chị không biết ai đã làm thủ tục xin cấp đổi này vì ông Lưu Quang V khẳng định không thực hiện thủ tục này. Anh chị đề nghị Tòa án thu thập các tài liệu về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại phố B, phường P, quận H, Hà Nội để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình anh chị (BL 376).

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 11/8/2022
Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.
2. Buộc ông Lưu Quang V thanh toán cho Ngân hàng B theo **hợp đồng hạn mức tín dụng** số : 100/2013/HĐTD2/B017 ký ngày 07/05/2013 và **khế ước nhận nợ** số: 100/2013/HDDTD2/B2017 ngày 07/05/2013 (tính đến ngày 11/8/2022) với tổng số tiền là: **1,400,787,598 đồng**, bao gồm nợ gốc là **499.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là **6,198,429 đồng** và nợ lãi quá hạn là **895,589,169 đồng**.

5. Kể từ ngày 12/8/2022, ông Lưu Quang V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6. Trong trường hợp ông Lưu Quang V không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích: 30,4m²) tại địa chỉ số: phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số: BM 849300, sổ vào sổ cấp GCN: CH00008 do UBND quận H cấp ngày 07/02/2013 cho ông Lưu Quang V. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 000309/2013; Quyền số: 01 TP/CC-SCC HĐGD ngày 06/05/2013 ký giữa Ngân hàng B– Chi nhánh Sở Giao dịch với ông Lưu Quang V lập tại Văn phòng công chứng Phước Đức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Những người đang quản lý, sử dụng tài sản, công trình vật kiến trúc trên thửa đất nêu trên có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản bảo đảm cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lưu Quang V phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng B.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 15/8/2022 ông Lưu Quang V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm:
Hợp đồng tín dụng số 100/2013/HĐTD2/B017 ngày 07/05/2013 bị vô hiệu do vi phạm về nội dung, mục đích vay vốn. Trên Hợp đồng thể hiện ông V vay vốn với tư cách đại diện hộ kinh doanh. Mục đích vay thực hiện hoạt động kinh doanh bán, kẹo, nước ngọt...tại địa chỉ 54+56 đường Đ. Trên thực tế ông V chưa bao giờ kinh doanh tại đây. Tại Công văn số 78/KT ngày 18/10/2016 của Phòng Kinh tế UBND quận Đ trả lời không có thông tin hộ kinh doanh của ông V trên cổng thông tin điện tử . Như vậy có thể xác

định Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của ông V có dấu hiệu giả mạo.

Theo điều 3 của quyết định 1218/2009/QĐ-TGD ngày 22/9/2009 của Ngân hàng B điều kiện vay vốn phải có phương án kinh doanh, kiểm tra hoạt động kinh doanh trước khi vay vốn. Tuy nhiên Ngân hàng không kiểm tra, chỉ làm việc với bà Vũ Thị Phương L mà trên thực tế ông V không mở kinh doanh ở đường Đ. Do đó Ngân hàng không làm đúng thủ tục quy định tại điều 3 của Quyết định 1218.

Ý chí của ông V khi tham gia giao dịch: Ông V không thực hiện bất cứ thủ tục vay nào tại Ngân hàng B. Không thực hiện việc rút tiền, sử dụng tiền vay. Do tin tưởng vào bà L nên ông V có ký vào một số giấy tờ mà không đọc nội dung giấy tờ đó là gì. Tại giấy rút tiền mặt ngày 5/7/2013 thể hiện trên tài khoản 0171001617006 thể hiện bà L là người rút tiền phù hợp với lời khai ngày 7/6/2016 bà L đã xác nhận tại toà án sơ thẩm. Toàn bộ số tiền Ngân hàng giải ngân sau đó được chuyển vào tài khoản của bà L cho thấy ông V không thực hiện thủ tục vay vốn, không sử dụng số tiền vay vốn, không biết đến việc vay vốn tại Ngân hàng. Như vậy ý chí của ông V không tự nguyện tham gia giao dịch.

Như vậy Hợp đồng tín dụng vô hiệu do không đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 122 BLDS 2005.

Về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Bà L là người sử dụng tiền vay nên phải trả tiền gốc cho Ngân hàng. Đối với số tiền lãi do giao dịch bị vô hiệu nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu là không có căn cứ.

Về người tham gia tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm chưa triệu tập những người sau để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Đó là:

- Bà Vũ Diệu B, ông Đỗ Tuấn C, ông Lương Sỹ C là cán bộ Ngân hàng – Phòng giao dịch ĐT là người trực tiếp thực hiện thủ tục vay vốn.
- Bà Lưu Thị Thuý V – Cán bộ Phòng Kinh tế UBND quận Đ liên quan đến thủ tục Đăng ký kinh doanh
- Ông Trần Viết T – Công chứng viên Văn phòng công chứng ANT

Vụ án có dấu hiệu làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, vi phạm quy định của pháp luật. Do đó đề nghị HĐXX tuyên bố Hợp đồng tín dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả Hợp đồng vô hiệu. Ngân hàng phải trả lại Giấy CNQSD đất cho ông V. Đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để xử lý hành vi làm giả tài liệu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người kháng cáo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn: Ông V ký hồ sơ vay vốn với Ngân hàng B thể hiện trên các tài liệu như Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp. Tại kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận chữ ký, chữ viết, vân tay của ông Lưu Quang V trên các tài liệu của hồ sơ vay vốn, đối chiếu với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy, Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh, phù hợp các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành với các bên; do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 499.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Theo quy định tại điểm 4 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng thì lãi suất được điều chỉnh 06 tháng /lần. Tuy nhiên Ngân hàng tính lãi suất được điều chỉnh giảm một lần vào ngày 07/11/2014; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến thời điểm xét xử là 14,40%/năm; lãi suất quá hạn là 21,60%/năm là quá cao, không phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về lãi suất cho vay và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi bao gồm nợ lãi trong hạn là 6,198,429 đồng và nợ lãi quá hạn là 895,589,169 đồng theo mức lãi suất Ngân hàng cung cấp là chưa phù hợp, không đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

*** Về Hợp đồng thế chấp:** tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lưu Quang V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 849300 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/02/2013. Hợp đồng thế chấp số 000309/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Việc thế chấp tài sản bảo đảm đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 342, các Điều 715 đến Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005, Hợp đồng được các chủ thể tham gia ký kết có đủ tư cách, đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên xác định Hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc, điều khoản trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên nội dung hợp đồng là hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

Đối với tài sản trên đất :

Tại thời điểm thế chấp, tài sản thế chấp là 01 nhà xây gạch 01 tầng, diện tích sàn 26,8m². Hiện trạng tài sản thế chấp vẫn do ông Lưu Quang V trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án sau này, ông V không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại tài sản thế chấp và các đương sự cũng không có ai có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại tài sản thế chấp. Trong trường hợp ông Lưu Quang V không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định

***Về các vấn đề khác :**

Tại cấp sơ thẩm, ông V, anh T, chị P yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức (cụ thể là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ phiếu hướng dẫn số 1323/HD- PC03 (Đ6) ngày 25/10/2019 của Công an thành phố Hà Nội trả lời “*không có dấu hiệu tội phạm hình sự*” để không chấp nhận yêu cầu này của ông V là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, ông V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V tiếp tục yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông V.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà ông V đề nghị đi giám định, do không thu thập được bản chính nên Tòa án cấp sơ thẩm không trung cầu giám định là có căn cứ.

Đối với việc ông V khai ông không biết việc UBND quận H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 liên quan đến nhà đất của ông, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh xác định “*ngày 06/02/2013, ông V có đơn xin cấp đổi*” và UBND quận H đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cấp đổi đến nay, UBND quận H không nhận được đơn thư kiến nghị nào liên quan đến nhà đất số phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ và phù hợp.

Từ những nhận định trên, thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lưu Quang V, căn cứ Điều 308 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử :

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lưu Quang V, sửa bản án sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, phần liên quan đến xác định khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn áp dụng với hộ kinh doanh Lưu Quang V.

Án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt. Đây là phiên tòa được mở lần thứ ba, căn cứ quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Ý kiến của luật sư Đặng Văn C đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập thêm một số người làm chứng để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

1. Đối với yêu cầu triệu tập cán bộ Ngân hàng là Bà Vũ Diệu B, ông Đỗ Tuấn C, ông Lương Sỹ C là người trực tiếp thực hiện thủ tục vay vốn. HĐXX thấy rằng: nguyên đơn là Ngân hàng B đang khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ. Ngân hàng đã có đại diện tham

gia tố tụng nên mọi vấn đề phát sinh từ việc lập hồ sơ, thủ tục cho vay, người đại diện của Ngân hàng có trách nhiệm trình bày tại phiên tòa. Luật sư có quyền hỏi Ngân hàng để làm rõ hồ sơ vay vốn thông qua người đại diện tham gia phiên tòa nên không cần thiết triệu tập những cán bộ nêu trên đến Tòa án.

2. Về triệu tập đại diện Phòng Kinh tế UBND quận Đ liên quan đến thủ tục Đăng ký kinh doanh: Trưởng phòng: Bà Lưu Thị Thuý V. Hồ sơ thể hiện Phòng Kinh tế đã có công văn trả lời Tòa án nên không cần triệu tập cán bộ Phòng kinh tế đến phiên tòa.

3. Về yêu cầu triệu tập ông Trần Việt T - Công chứng viên Văn phòng công chứng ANT: Theo Hợp đồng thế chấp số 000309/2013 quyền số 01 ngày 6/5/2013 công chứng viên Vũ Tiến T thuộc Văn phòng công chứng Phước Đức đã chứng nhận công chứng đối với giao dịch thế chấp nhà đất của ông Lưu Quang V. Ông Trần Việt T - Công chứng viên Văn phòng công chứng ANT không thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp của ông V. Do đó việc luật sư đề nghị triệu tập công chứng viên Trần Việt T không liên quan đến giao dịch công chứng trong vụ án này. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của Luật sư.

Với phân tích nêu trên, ý kiến của luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng không được HĐXX chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lưu Quang V - HĐXX thấy rằng:

- Về việc chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra:

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 16/10/2019 ông V có đơn tố cáo bà Vũ Thị Phương L có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức thông qua bị lừa ký vào Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn Ngân hàng B với số tiền 499.000.000 đồng nợ gốc và 198.796.398 đồng nợ lãi. Ngày 25/10/2019 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu – Công an thành phố Hà Nội có văn bản số 1323/HD – PC03(Đ6) trả lời: Những nội dung ghi trong đơn tố cáo của ông V **không có dấu hiệu hình sự**. Đề nghị ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định. Ngày 20/11/2020 ông V lại tiếp tục có đơn trình báo, tố giác tội phạm gửi Công an thành phố Hà Nội tố cáo hành vi của Vũ Thị Phương L lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức (cụ thể là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) để thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng B.

Ngày 10/12/2020, Công an thành phố Hà Nội trả lại đơn tố cáo nêu trên cho ông Lưu Quang V với lý do **sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu - Công an thành phố Hà Nội** (BL 340, 341). Đề nghị ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Như vậy Cơ quan điều tra đã 02 lần trả lại đơn của ông V với lý do việc ông V tố cáo hành vi của bà Vũ Thị Phương L không có dấu hiệu hình sự. Nay ông V và Luật sư vẫn tiếp tục đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra vẫn nội dung đã đề cập như trên là không có cơ sở chấp nhận.

Xét Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01E8013769 do Phòng Kinh tế quận Đ cấp ngày 24/10/2011 cho ông Lưu Quang V. Ngân hàng xác nhận không

giữ bản gốc (chỉ lưu trong hồ sơ bản photo), ông V không thừa nhận Giấy đăng ký kinh doanh này và cho rằng giấy này là giả mạo. Ông V căn cứ vào công văn số 78/KT ngày 18/10/2016 của Phòng kinh tế quận Đ trả lời Tòa án cấp sơ thẩm: *Phòng kinh tế quận Đ đã tra cứu thông tin hộ kinh doanh trên cổng thông tin điện tử liên thông của Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội thì không có thông tin Đăng ký hộ kinh doanh của ông Lưu Quang V, sinh năm 1964, CMND số 011899968 cấp ngày 26/12/2007 tại Công an Thành phố Hà Nội.* Tuy nhiên Công văn này chỉ xác nhận không có thông tin tra cứu trên cổng thông tin điện tử, còn Phòng kinh tế không trả lời Giấy đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01E8013769, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2011 không phải do Phòng kinh tế quận Đ cấp. Việc không có thông tin trên cổng thông tin điện tử không phải là căn cứ để cho rằng giấy tờ là giả mạo bởi người cập nhật thông tin không cập nhật đầy đủ thì không có dữ liệu để tra cứu. Ông V cho rằng không có thông tin Đăng ký kinh doanh của ông trên cổng thông tin điện tử tức là Giấy đăng ký Kinh doanh bị giả mạo. Ý kiến này là không có cơ sở bởi việc xác định giấy tờ giả mạo phải do cơ quan có thẩm quyền kết luận. Đến nay không có bản gốc để đối chiếu và Phòng Kinh tế không trả lời giấy Đăng ký kinh doanh này Phòng Kinh tế không cấp. Các thông tin cá nhân thể hiện trên Đăng ký kinh doanh được ông V xác nhận là đúng. Mặt khác Cơ quan điều tra cũng đã trả lời không có dấu hiệu hình sự về việc làm giả tài liệu. Do đó không có cơ sở xác định Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01E8013769 là giả mạo như ý kiến của ông V và Luật sư trình bày.

Mặt khác trên Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đều ghi thông tin bên vay là ông Lưu Quang V làm đại diện hộ kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ Kinh doanh số 01E8013796 do UBND quận Đ, Phòng Kinh tế cấp đăng ký lần đầu ngày 24/10/2011. Tại thời điểm vay vốn, ông V không thắc mắc gì về nội dung này được ghi trong Hợp đồng tín dụng cũng như khế ước nhận nợ mà vẫn nhận tiền của Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông V trình bày ông không biết việc vay vốn và không ký hồ sơ vay vốn. Ông xác định khi người thân trong gia đình đang nằm viện thì bà Vũ Thị Phương L là bạn xã hội có vào viện đưa cho ông 01 tập giấy và bảo ông ký. Ông không đọc nội dung giấy tờ đó là gì nên ông không thừa nhận đã ký vào hồ sơ vay vốn.

Quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, vân tay của ông V trên các tài liệu như Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp, biên bản định giá nhà đất ngày 10/4/2013. Tại kết luận giám định số 5894/KLGĐ- PC09- Đ3 ngày 24/7/2021 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận “chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lưu Quang V trên các mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Lưu Quang V trên các mẫu (Bản tự khai ngày 23/6/2016 của ông Lưu Quang V, Đơn đề nghị đưa người vào tham gia tố tụng ngày 23/6/2016 của ông Lưu Quang V, Đơn đề nghị giám định ngày 09/4/2021 của ông Lưu Quang V) đều là chữ do cùng một người ký và viết ra (BL 510, 511).

Tại Kết luận giám định số 5432/KL- PC09- Đ3 ngày 07/7/2021 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: “dấu in đường vân trên trang 6 Hợp đồng tín dụng số 100/2013/HDDTD2/B017 ngày 07/5/2013, dấu in đường vân trên trang 2 Khế ước nhận nợ số 100/2013/HĐTD2/B017 kèm theo Hợp đồng tín dụng và dấu in

đường vân trên trang 6 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 000309/2013, quyển số 01/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 06/5/2013 do Văn phòng công chứng Phước Đức chứng nhận) và dấu in đường vân ngón trỏ phải trên tờ khai chứng minh nhân dân họ tên Lưu Quang V (*sinh ngày 29/8/1964, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường P, quận H, thành phố Hà Nội*) gửi làm mẫu so sánh là của cùng một người” (BL 513, 514).

Như vậy có căn cứ khẳng định ông Lưu Quang V đã trực tiếp ký hồ sơ vay vốn với Ngân hàng B. Ông V trình bày không đọc nội dung tài liệu do bà L đưa nhưng đồng ý ký thể hiện ông V đã thừa nhận tự nguyện ký các tài liệu thực hiện vay vốn mà không đọc nội dung. Việc không đọc nội dung ông phải tự chịu trách nhiệm. Không thể cho rằng từ việc không đọc nội dung dẫn đến không biết giao dịch vay vốn và không tự nguyện ký hồ sơ vay vốn, bị bà L lừa đảo nên Hợp đồng bị vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận.

Xét Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng hợp pháp. Cùng ngày 7/5/2013 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 499.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ vào tài khoản 0171200146000 mang tên Lưu Quang V tại Ngân hàng B. Cùng ngày ông V đã rút tiền mặt trong tài khoản này (BL37). Các bút toán này phải được thực hiện tại trụ sở Ngân hàng, không thể thực hiện được ở trong bệnh viện bởi cán bộ Ngân hàng không thể giao dịch trong bệnh viện hoặc uỷ quyền cho bà L giao dịch với ông V trong bệnh viện. Do đó ý kiến của ông V trình bày không đến Ngân hàng giao dịch, không nhận tiền là không có cơ sở. Việc ông V chuyển tiền vào tài khoản của bà L để bà L sử dụng là việc của ông V với bà L, không thể cho rằng người vay vốn để người khác sử dụng tiền thì người vay không phải chịu trách nhiệm trả nợ. Đến nay ông V chưa thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V phải trả số nợ gốc được chấp nhận.

Xét yêu cầu đòi nợ lãi: Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ quy định lãi suất vay: lãi suất kỳ đầu tiên là 15%; lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần, xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng B công bố cộng biên độ tối thiểu 5.5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Theo bảng kê tính lãi Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 15% đối với kỳ đầu tiên (6 tháng), kỳ thứ 2 lãi suất 14,4% phù hợp với lãi suất huy động của Ngân hàng thời điểm tháng 12/2013 là 8,9% cộng biên độ 5,5%. Do đó lãi suất trong hạn tính đến ngày 6/5/2014 là 74.384.267 đồng. Bên vay đã thanh toán 68.185.838 đồng. Còn nợ 6.198.429 đồng được chấp nhận.

Về lãi quá hạn: *Theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng tín dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi quá hạn được tính trên toàn bộ số nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn từ thời điểm chuyển nợ quá hạn đến thời điểm thực trả.* Khoản vay của ông V bị chuyển nợ quá hạn ngày 7/5/2014 lãi suất quá hạn 21,6% (14,4 x150). Ông V không được áp dụng mức lãi suất theo thông tư 39/2016 của Ngân hàng Nhà nước bởi ông không phải là doanh nghiệp vừa và nhỏ như quy định tại điều 13 Thông tư 39/2016. Do đó lãi suất của Ngân hàng áp dụng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải trả 895.589.169 đồng là phù hợp.

Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 849300 ngày 7/2/2013 của UBND quận H cấp cho chủ sử dụng ông Lưu Quang V được quyền sử dụng thửa đất *tại địa chỉ: phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội diện tích 30,4m². Tài sản gắn liền với đất là nhà xây gạch 01 tầng, diện tích sàn 26,8m².* Ngày 6/5/2013 tại Văn phòng công chứng Phước Đức, **ông Lưu Quang V** ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 000309/2013 đồng ý thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên đảm bảo cho khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng được ký giữa bên vay với Ngân hàng B trong khoảng thời gian từ ngày 6/5/2013.

Ngày 6/5/2013 Phòng Tài nguyên môi trường quận H đã chứng nhận thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lưu Quang V.

Tại biên bản xem xét thẩm định của Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm ngày 26/9/2016, trên diện tích đất thế chấp của gia đình ông V thể hiện có 01 nhà cấp 4 gồm 02 phòng ngủ, nhà bếp, vệ sinh. Hiện trạng nhà, đất không có sự thay đổi so với Giấy chứng nhận được cấp.

Theo hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng công chứng Phước Đức, gồm phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, CMND, hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy chứng nhận QSD đất (sổ đỏ) của ông Lưu Quang V, biên bản định giá. Trên cơ sở phiếu yêu cầu công chứng do người yêu cầu là ông Lưu Quang V ký tên, việc công chứng được thực hiện tại phường D, quận C, Hà Nội. Đây là trụ sở của Ngân hàng B – Sở giao dịch. Công chứng viên Vũ Tiến T đã chứng nhận việc thế chấp nhà đất địa chỉ phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Lưu Quang V đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng. Trên Hợp đồng thế chấp thể hiện tại trang 6 phần ký của bên thế chấp ông V có ghi tôi đã đọc và đồng ý. Dưới dòng chữ viết này là chữ ký, dấu vân tay và ghi họ tên Lưu Quang V. Tại lời chứng của công chứng viên xác định bên thế chấp đã *đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng trước sự có mặt của công chứng viên.* Như vậy ông V đã đến Sở giao dịch Ngân hàng B ký Hợp đồng thế chấp. Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay đã được giám định tại phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận là của ông Lưu Quang V. Ông V không thừa nhận chữ ký này và trình bày không đến Ngân hàng để ký bất cứ giấy tờ gì là hoàn toàn mâu thuẫn với lời chứng của công chứng viên là công chứng được thực hiện tại Sở giao dịch Ngân hàng. Sau khi ký Hợp đồng thế chấp, Văn phòng công chứng Phước Đức không nhận được đơn thư khiếu nại nào về việc công chứng Hợp đồng. Như vậy ông V ký Hợp đồng thế chấp là tự nguyện, việc ký Hợp đồng được thực hiện trước mặt công chứng viên Vũ Tiến T. Do đó Hợp đồng thế chấp là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp này sẽ được xử lý thi hành án khi ông V không trả được nợ cho Ngân hàng. Ý kiến của Luật sư cho rằng Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận QSD đất cho ông V do Hợp đồng tín dụng vô hiệu là không được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng kháng cáo của ông Lưu Quang V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 342, 343, 344, 355 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 11/8/2022 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Về án phí KDTM phúc thẩm: Ông Lưu Quang V phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0051795 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuý Linh